DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHI NÔNG NGHIỆP THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 2021
HUYỆN CAM LÂM - TỈNH KHÁNH HÒA

Số TT	Hạng mục	Loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm trong năm 2021		Địa điểm
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
(1)	(2)	(3)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Trụ sở làm việc cho Công an xã Cam Hải Tây	CAN	0,11		0,11	CAN	Cam Hải Tây
2	Trụ sở làm việc cho Công an xã Cam Hải Đông	CAN	0,06		0,06	CAN	Cam Hải Đông
3	Trụ sở làm việc cho Công an xã Cam Hiệp Bắc	CAN	0,07		0,07	CAN	Cam Hiệp Bắc
4	Trụ sở làm việc cho Công an xã Cam Hiệp Nam	CAN	0,22		0,22	CAN	Cam Hiệp Nam
5	Trụ sở làm việc cho Công an xã Cam An Bắc	CAN	0,15		0,15	CAN	Cam An Bắc
6	Trụ sở làm việc cho Công an xã Cam An Nam	CAN	0,65		0,65	CAN	Cam An Nam
7	Trụ sở làm việc cho Công an xã Cam Phước Tây	CAN	0,18		0,18	CAN	Cam Phước Tây
8	Trụ sở làm việc cho Công an xã Suối Cát	CAN	0,08		0,08	CAN	Suối Cát
9	Trụ sở làm việc cho Công an xã Suối Tân	CAN	0,23		0,23	CAN	Suối Tân
10	Trụ sở làm việc cho Công an xã Cam Tân	CAN	0,18		0,18	CAN	Cam Tân
11	Trụ sở làm việc cho Công an xã Sơn Tân	CAN	1,13		1,13	CAN	Sơn Tân
12	Trụ sở làm việc cho Công an xã Cam Hòa	CAN	0,25		0,25	CAN	Cam Hòa
13	Trụ sở làm việc cho Công an xã Cam Thành Bắc	CAN	0,28		0,28	CAN	Cam Thành Bắc
14	Đồn biên phòng Cam Hải Đông	CQP	1,82		1,82	CQP	Cam Hải Đông
15	Trạm kiểm soát biên phòng Cù Hin	CQP	0,08		0,08	CQP	Cam Hải Đông

Số TT	Hạng mục	Loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm trong năm 2021		Địa điểm
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
16	Thao trường bắn của huyện	CQP	52,00		52,00	CQP	Cam Hiệp Nam
17	Khu luyện tập chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu	CQP	5,00		5,00	CQP	Cam Hải Tây
18	Trường THPT Cam An Nam	DGD	2,00		2,00	DGD	Cam An Nam
19	Trường tiểu học Cam Đức 1	DGD	1,00		1,00	DGD	Cam Đức
20	Trường Mầm non Sơn Ca	DGD	1,00		1,00	DGD	Cam Tân
21	Đường Phạm Văn Đồng (nối dài) và đường Hàm Nghi nối dài	DGT	4,20		4,20	DGT	Cam Đức
22	Nâng cấp đường Lê Lai	DGT	0,12		0,12	DGT	Cam Đức
23	Tuyến đường Tây bán đảo KDL Bắc bán đảo Cam Ranh	DGT	62,50	6,35	56,15	DGT	Cam Hải Đông
24	Đường phân ranh các dự án tại khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh	DGT	22,27	0,71	21,56	DGT	Cam Hải Đông
25	Đường Tỉnh lộ 3	DGT	23,41	3,62	19,79	DGT	Suối Tân, Suối Cát
26	Đường vào mộ bác sĩ Yersin	DGT	3,66		3,66	DGT	Suối Cát
27	Bãi đỗ xe (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 lô D1, X1)	DGT	0,24		0,24	DGT	Cam Hải Đông
28	Đường Nguyễn Chí Thanh	DGT	3,15		3,15	DGT	Cam Đức
29	Đường Nguyễn Văn Linh	DGT	2,60		2,60	DGT	Cam Đức
30	Kè và đường ven đầm Thủy Triều (đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Yersin)	DGT	17,50		17,50	DGT	Cam Đức
31	Đường vào khu tái định cư Bãi Giếng 1, thị trấn Cam Đức phục vụ dự án cao tốc Bắc Nam	DGT	0,73		0,73	DGT	Cam Đức

Số TT	Hạng mục	Loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm trong năm 2021		Địa điểm
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
32	Hàng rào đường gom (tuyến đường sắt), (Dự án Cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Nha Trang-Sài Gòn, tuyến đường sắt Hà nội -Tp.Hồ Chí Minh đoạn địa phận tỉnh Khánh Hòa)	DGT	3,20		3,20	DGT	Suối Cát
33	Đường cao tốc phía Đông	DGT	260,20	181,56	78,64	DGT	Cam An Bắc, Cam Phước Tây, Cam Hiệp Bắc, Cam Hiệp Nam, Cam Hòa, Cam Tân, Suối Cát, Suối Tân và thị trấn Cam Đức
34	Đường Lê Duẩn (đoạn từ Lê Lợi đến Hàm Nghi)	DGT	1,70		1,70	DGT	Cam Đức
35	Kè và đường ven đầm Thủy Triều (đoạn từ đường Yersin đến Cam Thành Bắc)	DGT	16,85		16,85	DGT	Cam Đức, Cam Thành Bắc
36	Mở rộng và cải tạo một số vị trí đường cong nằm trên đường đèo Khánh Sơn	DGT	0,62		0,62	DGT	Cam Phước Tây
37	Đường gom qua địa bàn huyện Cam Lâm (Km 1483+272 - Km 1485+050)	DGT	5,10		5,10	DGT	Cam Hoà
38	Công viên cây xanh phòng hộ và đường dạo ven biển (Vệt 20m đường Nguyễn Tất Thành và Vệt 30m ven biển KDL bán đảo Cam Ranh)	DKV	45,00		45,00	DKV	Cam Hải Đông
39	Xây dựng dãy cây xanh và phục vụ mục đích công cộng	DKV	0,42		0,42	DKV	Cam Hải Đông
40	Công viên văn hóa Bãi Dài X20, Cty cổ phần Đất Mới	DKV	50,00		50,00	DKV	Cam Hải Đông
41	Đường dây 220kV Nha Trang - Tháp Chàm	DNL	18,77	1,08	17,69	DNL	Cam An Bắc; Cam Phước Tây; Cam Tân; Sơn Tân; Suối Cát; Suối Tân

Số TT	Hạng mục	Loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm trong năm 2021		Địa điểm
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
42	Đường dây 500kV Vân Phong - Vĩnh Tân	DNL	21,27		21,27	DNL	Cam An Bắc; Cam Phước Tây; Cam Tân; Sơn Tân; Suối Cát; Suối Tân
43	Đường dây điện110kV đấu nối thuộc dự án Nhà máy điện mặt trời (Điện lực miền Trung)	DNL	0,12		0,12	DNL	Cam An Bắc, Cam An Nam
44	Cải tạo ĐZ 110KV Nha Trang - Diên Khánh - Suối Dầu	DNL	2,20		2,20	DNL	Suối Cát, Suối Tân
45	Dự án Nhà máy điện mặt trời Điện lực Miền Trung	DNL	70,00	67,25	2,75	DNL	Cam An Bắc
46	Dự án đấu nối 110kV sau TBA 220kV Cam Ranh	DNL	0,08		0,08	DNL	Cam Thành Bắc
47	Tuyến đường dây 110kV Suối Dầu - Cam Ranh (Nâng cao khả năng mang tải đường dây 110KV Suối Dầu - Cam Ranh)	DNL	0,73		0,73	DNL	Cam Đức, Suối Tân, Cam Tân, Cam Hòa, Cam Hải Tây, Cam Thành Bắc
48	Trạm biến áp 220kV Cam Ranh và đường dây 220kv đấu nối vào trạm	DNL	5,05		5,05	DNL	Cam Thành Bắc, Cam Hiệp Nam, Cam An Bắc; thị trấn Cam Đức
49	Đường dây điện 110 kV nhà máy điện mặt trời KN Cam Lâm	DNL	0,10		0,10	DNL	Cam An Bắc
50	Tuyến đường dây 110KV đấu nối nhà máy điện mặt trời Trung Sơn	DNL	0,70		0,70	DNL	Cam An Bắc, Cam An Nam, Cam Thành Bắc
51	Trạm cắt 110kV tại Nhà máy điện mặt trời Trung Sơn	DNL	0,50		0,50	DNL	Cam Thành Bắc

Số TT	Hạng mục	Loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm trong năm 2021		Địa điểm
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
52	Di dời lưới điện trung hạ áp thuộc dự án Đường cao tốc Bắc - Nam	DNL	0,20		0,20	DNL	Suối Tân, Cam Tân, Cam Hòa, Cam Phước Tây, Cam Đức, Suối Cát, Cam Hiệp Bắc
53	Di dời lưới điện cao thế 110KV thuộc dự án Đường cao tốc Bắc - Nam	DNL	0,20		0,20	DNL	Cam Đức, Suối Cát
54	Di dời lưới điện cao thế 220KV thuộc dự án Đường cao tốc Bắc - Nam	DNL	0,10		0,10	DNL	Suối Tân, Cam Tân
55	Tuyến đường dây 220KV, Kênh trạm bơm thuộc Hồ chứa nước Tà Rục xã Cam An Nam	DNL	0,10		0,10	DNL	Cam An Nam
56	Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải KDL Bắc bán đảo Cam Ranh (xây dựng nhà máy)	DRA	3,95		0,69	DRA	Cam Hải Đông
57	Hệ thống kênh nhánh có diện tích tưới F≤150 ha, thuộc dự án hồ chứa nước Tà Rục	DTL	5,68	2,65	3,02	DTL	Cam Hiệp Nam, Cam Thành Bắc
58	Hệ thống kênh nhánh có diện tích tưới F>150 ha, thuộc dự án hồ chứa nước Tà Rục	DTL	14,62	9,45	5,17	DTL	Cam An Nam, Cam Hiệp Nam, Cam Thành Bắc
59	Cải tạo, nâng cấp kênh chính Nam hồ chứa Cam Ranh và kênh chính hồ chứa Suối Dầu	DTL	10,88		10,88	DTL	Cam Đức, Cam Hải Tây, Cam Tân, Cam Thành Bắc;Suối Tân
60	Hồ chứa nước Suối Sâu	DTL	20,00		20,00	DTL	Cam Hiệp Bắc
61	Công trình trụ sở làm việc Đội QLTT thuộc Cục QLTT tỉnh Khánh Hòa	DTS	0,10		0,10	DTS	Cam Đức
62	Bệnh viện điều dưỡng Việt Khánh	DYT, TMD	86,25		86,25	DYT, TMD	Cam Hòa
63	Khu dân cư và tái định cư N4	ONT	34,00		34,00	ONT	Cam Hải Đông

Số TT	Hạng mục	Loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm trong năm 2021		Địa điểm
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
64	Nhà ở công nhân khu công nghiệp Suối Dầu	ONT	4,05		4,05	ONT	Suối Tân
65	Khu biệt thự Cam Hải Đông, công ty cổ phần Đất Mới	ONT	65,00		65,00	ONT	Cam Hải Đông
66	Nhà nghỉ Bộ công an Lô D2	ONT	9,70		9,70	ONT	Cam Hải Đông
67	Khu tái định cư thôn Xuân Lập (phục vụ dự án cao tốc Bắc - Nam)	ONT	0,72		0,72	ONT	Cam Tân
68	Hạ tầng kỹ thuật nước khoáng Suối Dầu (Thuộc Quy hoạch khu công nghiệp Suối Dầu)	SKK	9,41		9,41	SKK	Suối Tân
69	Cụm công nghiệp Trảng É	SKN	39,31		39,31	SKN	Suối Cát; Suối Tân
70	Cụm công nghiệp Tân Lập	SKN	40,00		40,00	SKN	Cam Thành Bắc
71	Khai thác và chế biến khoáng sản đất, đá làm vật liệu thông thường mỏ đá Hòn Cậu (Công ty CP Mỏ đá Hòn Cậu)	SKX	15,00		15,00	SKX	Suối Cát
72	Khai thác khoáng sản đất đá làm vật liệu xây dựng tại núi Hòn Cậu	SKX	10,37		10,37	SKX	Suối Tân
73	Khu kinh doanh hàng quán (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 lô D1, X2)	TMD	0,97		0,97	TMD	Cam Hải Đông
74	Khu đô thị dịch vụ du lịch Resort lô D15 - Hoàn vốn BT: Tuyến đường Tây bán đảo	TMD	16,80	3,27	13,53	TMD	Cam Hải Đông
75	Khu đô thị - dịch vụ - du lịch cao cấp KV1 - Khu 5 (Lô D18a; D18b; 1 phần D27; D29a; T15; T16; T7; X14; X15 - Hoàn vốn BT Hệ thống thoát nước mưa; giai đoạn 2)	TMD	92,50		92,50	TMD	Cam Hải Đông
76	Khu đô thị - dịch vụ - du lịch cao cấp KV2 - Khu 5 (Lô D18a; 1 phần lô D19; X16 - Hoàn vốn BT Hệ thống thoát nước mưa; giai đoạn 2)	TMD	49,20		49,20	TMD	Cam Hải Đông

Số TT	Hạng mục	Loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm trong năm 2021		Địa điểm
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
77	Khu đô thị dịch vụ du lịch cao cấp KV3 - Khu 5 (Lô T18; T19; 1 phần lô D19 , X16; X17 - Hoàn vốn BT tuyến đường nhánh	TMD	80,10		80,10	TMD	Cam Hải Đông
78	Khu đô thị dịch vụ du lịch cao cấp KV4 - Khu 5 (Lô D26; D27; X13) Hoàn vốn BT tuyến đường nhánh	TMD	135,12		135,12	TMD	Cam Hải Đông
79	Tổ hợp dịch vụ - du lịch 1 phần lô D40b, T9b1, T9b2, T9d1, T9d2, T9d3, T9c1, X22B, X22C (HĐ BT đường Tây bán đảo)	TMD	72,50		72,50	TMD	Cam Hải Đông
80	Tổ hợp dịch vụ - du lịch 1 phần lô D40b, T9c3, T9c2, 1 phần T9c1, X22f, X22g, X22a (HĐ BT Hệ thống thu gom xử lý nước thải Cam Ranh) - Khu 7	TMD	30,00		30,00	TMD	Cam Hải Đông
81	Hoàn vốn BT đường K2 Tổ hợp dịch vụ lô D21a, D21b, T5, T11, T20, T21, D23, ab, X18a, X19 (Khu 6)	TMD	195,00	32,32	162,68	TMD	Cam Hải Đông
82	Dự án khu nghỉ mát Hoàng Gia D1 + X1	TMD	64,20	8,20	56,00	TMD	Cam Hải Đông
83	Khu đô thị - dịch vụ - du lịch - Khu 3 (đất QP cũ)	TMD	12,12		12,12	TMD	Cam Hải Đông
84	Khu dịch vụ du lịch và công viên D40a; X22a - Khu 7	TMD	16,05		16,05	TMD	Cam Hải Đông
85	KDL và dịch vụ tổ hợp Bắc bán đảo Cam Ranh	TMD	15,68	5,92	9,75	TMD	Cam Hải Đông
86	Tổ hợp dịch vụ - du lịch (1 phần lô D14 - Hoàn vốn BT Hệ thống thu gom xử lý nước thải	TMD	24,71		24,71	TMD	Cam Hải Đông
87	Khu đô thị dịch vụ du lịch cao cấp lô D28, D29b, MN2 - Khu 5 (hoàn vốn BT đường Tây bán đảo)	TMD	39,62		39,62	TMD	Cam Hải Đông

Số TT	Hạng mục	Loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm trong năm 2021		Địa điểm
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
88	Khu bán đấu giá	ONT	0,02		0,02	ONT	Suối Cát
89	Khu bán đấu giá	ONT	0,15		0,15	ONT	Cam An Bắc
90	Khu bán đấu giá	ONT	0,25		0,25	ONT	Cam An Bắc
91	Khu bán đấu giá	ONT	0,09		0,09	ONT	Cam An Bắc
92	Khu bán đấu giá	ONT	0,10		0,10	ONT	Cam An Bắc
93	Khu bán đấu giá	ONT	0,15		0,15	ONT	Cam An Bắc